

Bản án số: 18/2019/KDTM-ST

Ngày: 29/8/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng
thi công ép cọc bê tông

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Xuân Đỉnh

Ông Nguyễn Hữu Đệ

- *Thư ký phiên toà:* Ông Đỗ Duy Khoa – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Việt Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 57/2019/TLST-KDTM ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng thi công ép cọc bê tông theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số 23/2019/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần xây dựng Liên A.

Địa chỉ: Khu công nghiệp vừa và nhỏ Nguyên K, Xã Nguyên K, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn D – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 131 phố Sài Đ, Phường Sài Đ, Quận Long B, Thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC.

Địa chỉ: Lô 66, Xóm M, Thôn Du N, Xã Mai L, Huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thúy Q – Giám đốc.

Có mặt: Bà L.

Vắng mặt: Bà Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2019 và các bản tự khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/7/2017, Công ty cổ phần xây dựng Liên A (viết tắt là Công ty Liên A) đã ký Hợp đồng kinh tế số 197/2017/HĐKT/VP-CNC với Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC (viết tắt là Công ty CNC). Theo hợp đồng này, tại Điều 1 hai bên thoả thuận: Công ty CNC thuê Công ty Liên A thực hiện cung cấp và trực tiếp ép cọc bê tông công trình “Xây dựng nhà điều hành và các nhà để xe” thuộc gói thầu GT-02 tại địa chỉ xã Ninh H, huyện Gia L, Hà Nội, cụ thể:

- Cọc PC D300 Class A (theo bản vẽ được cấp xây dựng).
- Chiều dài cọc tổ hợp 14m (2 cọc 7m).
- Đường kính cọc D300 PHC.
- Cọc có 6 cây thép chủ phi 7,1 mm.

Tại Điều 2 của hợp đồng kinh tế nêu trên quy định về Giá trị hợp đồng, theo đó hai bên thống nhất giá trị này sẽ quyết toán theo khối lượng thực tế thi công nhân với đơn giá cố định (đơn giá này được thể hiện cụ thể bằng bảng biểu trong hợp đồng).

Sau khi hai bên ký kết hợp đồng, Công ty CNC tạm ứng cho Công ty Liên A số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), số tiền còn lại Công ty CNC sẽ thanh toán cho Công ty Liên A sau khi hoàn thành công việc ép cọc xong và được chủ đầu tư, tổng thầu và tư vấn giám sát nghiệm thu và chấp thuận, hoàn thành đầy đủ thủ tục hồ sơ thanh toán.

Sau thời gian thi công công việc ép cọc đúng như giao kết hợp đồng giữa hai bên và đã được chủ đầu tư, tổng thầu và tư vấn giám sát nghiệm thu, chấp nhận về chất lượng công trình và khối lượng thực tế, ngày 27/10/2017, các bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu công việc, các bên liên quan cùng ký nhận. Theo đó, khối lượng thực tế của công việc ép cọc do các bên chấp thuận nhân với đơn giá được quy định trong hợp đồng kinh tế thì tổng tiền giá trị hợp đồng là 1.972.436.400 đồng (Một tỉ chín trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Tuy nhiên, khi có đầy đủ biên bản nghiệm thu công việc, hoá đơn GTGT, nhật ký thi công ép cọc và các hồ sơ khác có liên quan nhưng Công ty CNC không có động thái thanh, quyết toán số tiền còn lại cho Công ty Liên A. Công ty Liên A đã nhiều lần đề nghị Công ty CNC thanh toán số tiền còn lại nhưng không nhận được phản hồi.

Sau nhiều lần Công ty Liên A hỏi thúc Công ty CNC thanh toán nốt số tiền còn lại, thì ngày 13/02/2018 Công ty CNC mới thanh toán thêm cho Công ty Liên A số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Cho đến ngày 02/3/2018, Công ty Liên A đã yêu cầu Công ty CNC hợp tác đối chiếu công nợ. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 02/3/2018, Công ty CNC công nhận còn nợ Công ty Liên A số tiền 1.472.436.400 đồng (Một tỉ bốn trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Do đó, Công ty Liên A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết những vấn đề sau đây:

- Yêu cầu Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC thanh toán phần giá trị còn lại của Hợp đồng kinh tế số 197/2017/HĐKT/VP-CN ngày

20/7/2017, với số tiền là: 1.472.436.400 đồng (Một tỉ bốn trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

- Yêu cầu Công ty CNC thanh toán trả tiền lãi do chậm thanh toán khoản nợ 1.472.436.400 đồng.

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam, theo đó lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 7%/năm (0,625%/tháng), thì tiền lãi Công ty CNC phải trả như sau:

+ Từ tháng 11, 12/2017 đến tháng 1/2018 là 3 tháng: Do Công ty CNC đã tạm ứng 200.000.000 đồng sau khi hai bên ký kết hợp đồng số 197/2017/HĐKT/VP-CN nên số tiền còn lại là: 1.972.436.400 đồng - 200.000.000 đồng = 1.772.436.400 đồng.

Số tiền lãi phải trả là: 1.772.436.400 đồng x 0,625%/tháng x 3 tháng = 33.233.182 đồng.

+ Từ tháng 2/2018 đến tháng 3/2019 là 13 tháng: Do Công ty CNC thanh toán thêm 300.000.000 đồng vào tháng 02/2018, nên số tiền giá trị hợp đồng còn lại là: 1.772.436.400 đồng - 300.000.000 đồng = 1.472.436.400 đồng.

Số tiền lãi phải trả là: 1.472.436.400 đồng x 0,625%/tháng x 13 tháng = 119.635.457 đồng.

Tổng số tiền lãi là: 33.233.182 đồng + 119.635.457 đồng = 152.868.639 đồng

Tổng tiền cả gốc và tiền lãi mà Công ty CNC phải trả cho Công ty CP Xây dựng Liên A là: 1.472.436.400 đồng + 152.868.639 đồng = 1.625.305.039 đồng (*Một tỉ sáu trăm hai mươi năm triệu ba trăm lẻ năm nghìn không trăm ba mươi chín đồng*).

* Đối với bị đơn là Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng, nhưng đều không chấp hành, vì vậy Tòa án không tiến hành ghi lời khai được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu tính lãi đến hết tháng 8 năm 2019.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vụ án thuộc trường hợp trường hợp án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét nhận định:

{1}. *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và dành quyền kháng cáo cho họ là phù hợp pháp luật.

{2}. Về tư cách pháp nhân của Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC:

Tại công văn số 1031/CCTT-ĐKKD ngày 08/5/2019 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội thể hiện thông tin doanh nghiệp như sau:

- Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106990068 cấp lần đầu ngày 15/9/2015, thay đổi lần 4 ngày 27/3/2019.
- Người đại diện theo pháp luật của công ty: Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1973, Giám đốc.
- Đến thời điểm hiện tại, doanh nghiệp chưa đăng ký thủ tục giải thể, tạm ngừng hoạt động của doanh nghiệp.

Như vậy, về pháp lý Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC vẫn đang tồn tại nên có đầy đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.

{3}. Về thẩm quyền: Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC có trụ sở hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Lô 66, xóm M, thôn Du N, xã Mai L, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ.

{4} Về quan hệ pháp luật là: Tranh chấp hợp đồng thi công ép cọc bê tông.

{5} Về nội dung:

{5.1} Xét về hình thức hợp đồng:

Công ty Liên A và Công ty CNC có đầy đủ tư cách pháp nhân, tham gia giao kết Hợp đồng kinh tế để thực hiện hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký, các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Các điều khoản thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng kinh tế không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hợp đồng kinh tế số 197/2017/HĐKT/VP-CNC ngày 20/7/2017 về việc thi công ép cọc bê tông công trình xây dựng “Xây dựng nhà điều hành và các nhà để xe” thuộc gói thầu GT-02 tại địa chỉ xã Ninh H, huyện Gia L, Hà Nội là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 74 Luật Thương mại.

{5.2}. Về nội dung của hợp đồng:

Hợp đồng kinh tế số 197/2017/HĐKT/VP-CNC ngày 20/7/2017 về việc thi công ép cọc bê tông công trình xây dựng “Xây dựng nhà điều hành và các nhà để xe” thuộc gói thầu GT-02 tại địa chỉ xã Ninh H, huyện Gia L, Hà Nội thể hiện đầy đủ nội dung, địa điểm, thời điểm giao kết hợp đồng.

Đối với Hợp đồng trên, Công ty Liên A và Công ty CNC không có tranh chấp và đều thừa nhận về các điều khoản của hợp đồng, cũng như giá trị cung ứng dịch vụ liên quan đến công việc thi công ép cọc bê tông. Trong đó, phần giá trị hợp đồng Công ty Liên A đã nhận được từ Công ty CNC là 500.000.000 đồng.

Giá trị còn lại chưa thanh toán là 1.472.436.400 đồng. Việc này thể hiện tại biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty Liên A và Công ty CNC ngày 02/3/2018.

Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa Công ty Liên A và Công ty CNC ngày 02/3/2018 thì tính đến ngày 07/9/2017, Công ty CNC còn nợ Công ty Liên A số tiền gốc là: 1.472.436.400 đồng (Một tỉ bốn trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm đồng). Do vậy, yêu cầu buộc Công ty CNC phải thanh toán số tiền nợ gốc 1.472.436.400 đồng của Công ty Liên A là có căn cứ và được chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có quy định: “Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của [Luật Thương mại](#) năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Theo đó, căn cứ trên mức lãi suất cho vay trung, dài hạn:

- + Mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam áp dụng là: $10,5\% \times 150\% = 15,75\%/năm$.

- + Mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam áp dụng là: $10,5\% \times 140\% = 14,7\%/năm$.

- + Mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam áp dụng là: $10\% \times 130\% = 13\%/năm$.

Như vậy mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán bằng 14,5%/năm.

Nguyên đơn tự nguyện yêu cầu mức lãi suất cơ bản là 7%/năm theo Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán nên ghi nhận sự tự nguyện này là phù hợp pháp luật.

Cụ thể, số tiền lãi được tính như sau:

- Từ tháng 11, 12/2017 đến tháng 1/2018 là 3 tháng: Do Công ty CNC đã tạm ứng 200.000.000 đồng sau khi hai bên ký kết hợp đồng số 197/2017/HĐKT/VP-CN, nên số tiền giá trị hợp đồng còn lại là: 1.972.436.400 đồng - 200.000.000 đồng = 1.772.436.400 đồng.

Số tiền lãi phải trả là: $1.772.436.400 \text{ đồng} \times 0,625\%/\text{tháng} \times 3 \text{ tháng} = 33.233.182 \text{ đồng}$.

- Từ tháng 2/2018 đến tháng 8/2019 là 18 tháng: Do Công ty CNC thanh toán thêm 300.000.000 đồng vào tháng 02/2018, nên số tiền giá trị hợp đồng còn lại là: $1.772.436.400 \text{ đồng} - 300.000.000 \text{ đồng} = 1.472.436.400 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi phải trả là: $1.472.436.400 \text{ đồng} \times 0,625\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 165.649.095 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi là: $33.233.182 \text{ đồng} + 165.649.095 \text{ đồng} = 198.882.277 \text{ đồng}$.

Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (29/8/2019) gồm các khoản:

Nợ gốc: 1.472.436.400 đồng

Nợ lãi tính đến ngày 29/8/2019 là: 198.882.277 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 1.671.318.677 đồng.

{6} Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

{7} Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 24, Điều 4, Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại;
- Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng Liên A đối với Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC về việc tranh chấp hợp đồng thi công ép cọc bê tông.

2. Buộc Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty cổ phần xây dựng Liên A tổng số tiền là: **1.671.318.677 đồng (Một tỷ, sáu trăm bảy mươi một triệu, ba trăm mười tám nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng).**

3. Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác cho đến khi thi hành án xong.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC phải chịu 62.140.000 đồng (Sáu mươi hai triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Công ty cổ phần xây dựng Liên A được nhận lại 30.350.000 đồng (Ba mươi triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008533 ngày 23/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Án xử công khai sơ thẩm, Công ty cổ phần xây dựng Liên A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty cổ phần sản xuất cơ khí và xây dựng CNC có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đông Anh.
- TAND T.P Hà Nội.
- Những người tham gia tố tụng.
- Chi cục THADS huyện Đông Anh.
- Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Vân

